

**Câu 1:** Từ "NS" trong công cụ mô phỏng mạng NS-3 là viết tắt của từ gì?

- a. Network Service
- b. Network Simulator**
- c. Name Solution
- d. Network System

**Câu 2:** Phương thức nào mà trong đó cả hai bên đều có thể đồng thời gửi dữ liệu đi:

- a. Simplex
- b. Half – duplex
- c. Full – duplex**
- d. Phương thức khác

**Câu 3:** Đơn vị đo băng thông là:

- a. Byte/s**
- b. Bit/s
- c. Byte/phút
- d. Bit/phút

**Câu 4:** Đâu không phải là một công cụ dùng mô phỏng mạng

- a. NS-3
- b. GNS 3
- c. Packet Tracer
- d. Telnet**

**Câu 5:** Wireshark là phần mềm dùng để

- a. Mô phỏng hệ thống mạng
- b. Kiểm tra kết nối mạng
- c. Bắt gói tin**
- d. Là phần mềm tường lửa

**Câu 6:** Địa chỉ IP gồm bao nhiêu bit?

- a. 16
- b. 32**
- c. 48
- d. 64

**Câu 7:** Trong mô hình TCP/IP thì giao thức IP nằm ở tầng:

- a. Application
- b. Transport
- c. Internet**
- d. Network Access

**Câu 8:** Một mạng con lớp C mượn 2 bit để chia Subnet thì Subnet Mask sẽ là:

- a. 255.255.224.0
- b. 255.255.255.192**
- c. 255.255.255.240

d. 255.255.255.128

**Câu 9:** Địa chỉ nào sau đây là địa chỉ quảng bá (broadcast) của mạng 192.168.25.128/28:

a. 192.168.25.255

b. 192.168.25.141

c. 192.168.25.180

**d. 192.168.25.143**

**Câu 10:** Một mạng con lớp C mượn 5 bit để chia Subnet thì Subnet Mask sẽ là:

a. 255.255.224.0

b. 255.255.255.1

**c. 255.255.255.248**

d. 255.255.255.128

**Câu 11:** Một mạng con lớp A mượn 21 bit để chia Subnet thì Subnet Mask sẽ là:

a. 255.255.224.0

b. 255..255.192.0

c. 255.255.248.0

**d. 255.255.255.248**

**Câu 12:** Địa chỉ nào trong số những địa chỉ dưới đây là địa chỉ Broadcast của lớp C?

a. 190.12.253.255

b. 190.44.255.255

**c. 221.218.253.255**

d. 129.219.145.255

**Câu 13:** Số nhị phân nào dưới đây có giá trị là 164?

a. 10010010

b. 11000100

**c. 10100100**

d. 10101010

**Câu 14:** Giao thức nào dùng để tìm địa chỉ IP khi biết địa chỉ MAC của máy tính?

a. TCP/IP

b. DHCP

c. ARP

**d. RARP**

**Câu 15:** Địa chỉ IP nào sau đây không được dùng để kết nối trực tiếp trong mạng Internet:

a. 126.0.0.1

**b. 192.168.1.1**

c. 200.100.1.1

d. Tất cả đều không được dùng cho kết nối trực tiếp trong mạng Internet

**Câu 16:** Trong mạng máy tính dùng giao thức TCP/IP và Subnet Mask là 255.255.255.224, hãy xác định địa chỉ broadcast của mạng nếu biết rằng một máy tính trong mạng có địa chỉ 192.168.1.1:

a. 192.168.1.31

b. 192.168.1.255

c. 192.168.1.15

d. 192.168.1.96

**Câu 17:** Byte đầu tiên của một địa chỉ IP có dạng: 11011011. Vậy nó thuộc lớp nào:

a. Lớp A

b. Lớp B

c. Lớp C

d. Lớp D

**Câu 18:** Số nhị phân 01111100 có giá trị thập phân là:

a. 118

b. 120

c. 124

d. 126

**Câu 19:** Lấy 1 địa chỉ lớp B để chia Subnet với Netmask 255.255.240.0, có bao nhiêu Subnets sử dụng được?

a. 2

b. 6

c. 16

d. 30

**Câu 20:** Một mạng lớp C cần chia thành 9 mạng con sử dụng Subnet Mask nào sau đây:

a. 255.255.255.224

b. 255.0.0.255

c. 255.224.255.0

d. 255.255.255.240

**Câu 21:** Subnet Mask nào sau đây là hợp lệ:

a. 0.255.255.255

b. 0.0.0.255

c. 255.0.0.255

d. 255.255.255.0

**Câu 22:** Trong địa chỉ IP, có 5 lớp A, B, C, D, E. Lớp B là lớp có dãy địa chỉ:

a. 192.0.0.0 tới 223.255.255.255

b. 240.0.0.0 tới 255.255.255.255

c. 128.0.0.0 tới 191.255.255.255

d. 224.0.0.0 tới 239.255.255.255

**Câu 23:** Hãy chỉ ra địa chỉ IP của host không hợp lệ với Subnet Mask = 255.255.255.224

a. 222.81.22.104

b. 222.88.65.135

c. 222.81.56.130

d. 222.81.55.128

**Câu 24:** Cần chia mạng con thuộc Class B với mỗi Subnet có tối đa 500 host, phải dùng Subnet Mask:

a. 11111111.11111111.11111110.00000000

b. 11111111.11111111.11111111.00000000

c. 11111111.11111111.11111100.00000000

d. 11111111.11111111.11111111.11000000

**Câu 25:** Một mạng thuộc Class B với Subnet Mask là 255.255.252.0 có thể chia thành bao nhiêu Subnet?

a. 16

b. 32

c. 64

d. 128

**Câu 26:** Chỉ ra nút mạng cùng Subnet với nút mạng có IP 217.65.82.153 và Subnet Mask 255.255.255.248:

a. 217.65.82.156

b. 217.65.82.151

c. 217.65.82.152

d. 217.65.82.160

**Câu 27:** Một mạng lớp B cần chia thành 9 mạng con, phải sử dụng Subnet Mask:

a. 255.255.224.0

b. 255.0.0.255

c. 255.255.240.0

d. 255.255.255.224

**Câu 28:** Một mạng con lớp C cần chứa 15 host, sử dụng Subnet Mask nào sau đây:

a. 255.255.255.224

b. 255.0.0.255

c. 255.255.255.240

d. 255.255.255.192

**Câu 29:** Địa chỉ nào sau đây là địa chỉ quảng bá của mạng 192.168.25.128/27

a. 192.168.25.255

b. 192.168.25.128

c. 192.168.25.159

d. 192.168.25.100

**Câu 30:** Một mạng con lớp A mượn 5 bit để chia Subnet thì Subnet Mask sẽ là:

a. 255.255.255.248

b. 255.248.255.255

c. 255.248.255.0

d. 255.248.0.0

**Câu 31:** Cho địa chỉ IP 192.168.25.91/26, số mạng con và số host tối đa của mỗi mạng con sẽ là:

- a. 62 và 4
- b. 4 và 62**
- c. 4 và 64
- d. 64 và 4

**Câu 32:** Địa chỉ IP nào thuộc lớp B

- a. 127.160.73.114
- b. 192.160.19.25
- c. 126.160.158.19
- d. 191.160.9.134**

**Câu 33:** Địa chỉ IP nào thuộc lớp C

- a. 191.160.73.14
- b. 223.160.9.25**
- c. 224.160.58.19
- d. 190.160.9.34

**Câu 34:** Địa chỉ IP nào thuộc lớp A

- a. 190.16.73.114
- b. 127.116.39.25
- c. 126.160.158.19**
- d. 128.115.91.34

**Câu 35:** Trong các địa chỉ sau, chọn địa chỉ không nằm cùng đường mạng với các địa chỉ còn lại:

- a. 203.29.100.100/255.255.255.240
- b. 203.29.100.110/255.255.255.240
- c. 203.29.103.113/255.255.255.240**
- d. 203.29.100.98/255.255.255.240

**Câu 36:** Địa chỉ nào sau đây là địa chỉ broadcast của mạng lớp B là

- a. 14.255.255.255
- b. 149.6.255.255**
- c. 149.6.7.255
- d. Tất cả đều sai

**Câu 37:** Khi ping địa chỉ thanhdo.edu.vn, được kết quả như hình dưới. Cho biết ý nghĩa của thông số time

```
C:\Users\Windows 7>ping thanhdo.edu.vn

Pinging thanhdo.edu.vn [210.211.113.136] with 32 bytes of data:
Reply from 210.211.113.136: bytes=32 time=26ms TTL=55
Reply from 210.211.113.136: bytes=32 time=28ms TTL=55
Reply from 210.211.113.136: bytes=32 time=24ms TTL=55
Reply from 210.211.113.136: bytes=32 time=26ms TTL=55

Ping statistics for 210.211.113.136:
    Packets: Sent = 4, Received = 4, Lost = 0 (0% loss),
    Approximate round trip times in milli-seconds:
        Minimum = 24ms, Maximum = 28ms, Average = 26ms
```

- Là thời gian tính từ lúc gói tin được gửi đi đến khi gói tin tới máy đích
- Là thời gian tính từ lúc máy đích gửi gói tin phản hồi tới khi gói tin tới máy nguồn
- Là thời gian tính từ lúc máy nguồn gửi gói tin tới khi nó nhận được gói tin phản hồi
- Là thời gian tính từ lúc gói tin được gửi đi tới khi nó tới 1 node mạng trung gian trên đường truyền

**Câu 38:** Khi ping địa chỉ thanhdo.edu.vn, được kết quả như hình dưới. Cho biết ý nghĩa của thông số TTL

```
C:\Users\Windows 7>ping thanhdo.edu.vn

Pinging thanhdo.edu.vn [210.211.113.136] with 32 bytes of data:
Reply from 210.211.113.136: bytes=32 time=26ms TTL=55
Reply from 210.211.113.136: bytes=32 time=28ms TTL=55
Reply from 210.211.113.136: bytes=32 time=24ms TTL=55
Reply from 210.211.113.136: bytes=32 time=26ms TTL=55

Ping statistics for 210.211.113.136:
    Packets: Sent = 4, Received = 4, Lost = 0 (0% loss),
    Approximate round trip times in milli-seconds:
        Minimum = 24ms, Maximum = 28ms, Average = 26ms
```

- Là thời gian tính từ lúc máy nguồn gửi gói tin tới khi nó nhận được gói tin phản hồi
- Thể hiện số node mạng lớp 3 mà gói tin phải đi qua
- Là một số cố định thể hiện bằng thông đường truyền
- Thể hiện độ trễ của gói tin

**Câu 39:** Trong HEADER của IP PACKET có chứa:

- Source and Destination addresses
- Source address
- Không chứa địa chỉ nào cả
- Destination address

**Câu 40:** Tầng nào trong mô hình TCP/IP đóng gói dữ liệu kèm theo IP HEADER?

- Layer 3
- Layer 4
- Layer 1
- Layer 2

**Câu 41:** Địa chỉ IP nào sau đây là hợp lệ:

- 192.168.1.2
- Các phương án khác đều đúng
- 255.255.255.254
- 10.20.30.40

**Câu 42:** Lệnh PING dùng để:

- a. Kiểm tra các máy tính có đĩa cứng hay không
- b. Các phương án khác đều đúng
- c. Kiểm tra các máy tính có hoạt động tốt hay không
- d. Kiểm tra các máy tính trong mạng có liên thông không

**Câu 43:** Lệnh nào sau đây cho biết địa chỉ IP của máy tính:

- a. IP
- b. FTP
- c. IPCONFIG
- d. TCP\_IP

**Câu 44:** Trong mạng máy tính dùng giao thức TCP/IP và đều dùng Subnet Mask là 255.255.255.240 thì cặp máy tính nào sau đây liên thông?

- a. 192.1.1.254 và 192.1.100.234
- b. 192.168.1.1 và 192.168.1.254
- c. 192.1.1.247 và 192.1.1.254
- d. 172.168.11.1 và 192.168.1.254

**Câu 45:** Cho một mạng máy tính gồm 14 máy. Hỏi cần sử dụng tối thiểu bao nhiêu bit của phần máy để ấn định địa chỉ IP cho tất cả các máy tính trong mạng một cách hiệu quả?

- a. 6 bit
- b. 5 bit
- c. 3 bit
- d. 4 bit

**Câu 46:** Lệnh Ping sử dụng giao thức nào sau đây?

- a. ARP.
- b. ICMP
- c. RARP.
- d. FTP.

**Câu 47:** Địa chỉ nào bên dưới là địa chỉ loopback?

- a. 172.0.0.1
- b. 169.254.0.1
- c. 203.100.60.1
- d. 127.0.0.1

**Câu 48:** Dữ liệu truyền từ máy tính A đến máy tính B phải trải qua quá trình nào sau đây?

- a. Nén và đóng gói dữ liệu.
- b. Kiểm tra dữ liệu.
- c. Lọc dữ liệu.
- d. Phân tích dữ liệu.

**Câu 49:** Đơn vị dữ liệu tại tầng application là?

- a. Frame.

b. Segment.

c. Packet.

**d. Data.**

**Câu 50:** Cho địa chỉ IP 192.168.1.32/27. Dãy địa chỉ IP có thể gán cho máy tính là?

a. 192.168.1.32 – 192.168.1.64

**b. 192.168.1.33 – 192.168.1.62**

c. 192.168.1.32 – 192.168.1.62

d. 192.168.1.33 – 192.168.1.63

**Câu 51:** Cho biết địa broadcast trong mạng 192.168.1.128/26?

**a. 192.168.1.191**

b. 192.168.1.193

c. 192.168.1.192

d. 192.168.1.190

**Câu 52:** DHCP dùng để?

a. Truy cập web.

b. Phân giải tên miền.

c. Gửi thư điện tử.

**d. Cấp phát IP động.**

**Câu 53:** Các dịch vụ, ứng dụng mạng thường sử dụng các cổng dịch vụ nằm trong dải nào?

a. 0 đến 255

**b. 0 đến 1023**

c. 1024 đến 49151

d. 49152 đến 65535

**Câu 54:** Phát biểu nào đúng về layer 3

a. Là lớp vật lý

**b. Được sử dụng cho việc tìm đường**

c. Chỉ được sử dụng trong mạng cục bộ

d. Được sử dụng cho việc chuyển tiếp gói tin giữa các máy tính trong mạng LAN

**Câu 55:** Đây là dải Private IP

**a. 10.0.0.0 to 10.255.255.255**

b. 200.100.50.0 to 200.100.25.255

c. 150.150.0.0 to 150.150.255.255

d. 127.16.0.0 to 127.31.255.255

**Câu 56:** Đây là dải Private IP

**a. 172.16.0.0 to 172.31.255.255**

b. 200.100.50.0 to 200.100.25.255

c. 150.150.0.0 to 150.150.255.255

d. 127.16.0.0 to 127.31.255.255

**Câu 57:** Đây là dải Private IP



a. 192.168.0.0 to 192.168.255.255

b. 200.100.50.0 to 200.100.25.255

c. 150.150.0.0 to 150.150.255.255

d. 127.16.0.0 to 127.31.255.255

**Câu 58:** Dịch vụ nào cho phép tham chiếu host bằng tên thay cho việc dùng địa chỉ IP khi duyệt Internet

a. DHCP

b. DNS

c. HTTP

d. FTP

**Câu 59:** Hub là thiết bị hoạt động ở tầng nào của mô hình OSI:

a. Tầng Vật lý

b. Tầng Data Link

c. Tầng Transport

d. Tầng Network

**Câu 60:** Switch là thiết bị hoạt động ở tầng nào của mô hình OSI:

a. Tầng Vật lý

b. Tầng Data Link

c. Tầng Transport

d. Tầng Network

**Câu 61:** Router là thiết bị hoạt động ở tầng nào của mô hình OSI:

a. Tầng Vật lý

b. Tầng Data Link

c. Tầng Transport

d. Tầng Network

**Câu 62:** Phương tiện vật lý nào cho tỉ lệ lỗi ít nhất khi truyền tín hiệu

a. Cáp đồng trục dày

b. Cáp quang

c. Cáp xoắn có vỏ bọc chống nhiễu

d. Truyền dẫn không dây

**Câu 63:** Độ dài tối đa cho phép khi sử dụng dây cáp mạng UTP là bao nhiêu mét?

a. 80

b. 100

c. 150

d. 500

**Câu 64:** Để kết nối trực tiếp hai máy tính với nhau ta có thể dùng:

a. Crossover – Cable

b. Rollover Cable

c. Straight Cable

d. Không có loại nào

**Câu 65:** Nếu 4 PCs kết nối với nhau thông qua HUB, cần bao nhiêu địa chỉ IP cho 5 thiết bị mạng này?

a. 5

**b. 4**

c. 2

d. 1

**Câu 66:** Thiết bị mạng nào dùng để nối các mạng?

a. Hub

b. Repeater

c. Switch

**d. Router**

**Câu 67:** Địa chỉ MAC (Mac address) là:

a. Địa chỉ lớp 3 được Router xử lý định tuyến

b. Được phân phát bởi giao thức DHCP

c. Có thể thay đổi bằng Properties của Windows

**d. Địa chỉ lớp 2 được gắn cứng vào Card mạng**

**Câu 68:** Khả năng định tuyến được thực hiện bởi thiết bị:

a. Switch

b. Hub

c. NIC

**d. Router**

**Câu 69:** Tìm phát biểu sai trong các phát biểu sau đây

a. Các mạng có dây kết nối với nhau bằng cáp xoắn đôi, cáp đồng trục, cáp quang,... Nó có thể kết nối các máy tính, tivi để tạo thành mạng

b. Các mạng có dây không có khả năng thực hiện các kết nối ở mọi thời điểm, mọi nơi

c. Các mạng không dây kết nối với nhau bằng sóng radiô, các bức xạ hồng ngoại hay sóng truyền qua vệ tinh thông qua các điểm truy cập không dây WAP. Nó có thể kết nối các máy tính, điện thoại di động để tạo thành mạng

**d. Vùng phủ sóng của mạng không dây không bị hạn chế**

**Câu 70:** Chọn định nghĩa ĐÚNG về địa chỉ MAC:

**a. Được ghi sẵn trên card mạng (NIC)**

b. Do người quản trị mạng khai báo

c. Tất cả đều đúng

d. Tất cả đều sai

**Câu 71:** Router là 1 thiết bị dùng để:

a. Định tuyến giữa các mạng

b. Lọc các gói tin dư thừa

c. Mở rộng một hệ thống mạng

**d. Cả 3 đều đúng**

**Câu 72:** Môi trường truyền tin thông thường trong mạng máy tính là:

a. Các loại cáp như: UTP, STP, cáp điện thoại,...

b. Cáp quang, sóng điện từ,...

**c. Tất cả môi trường đang nêu**

d. Cáp đồng trục, cáp xoắn, cáp quang

**Câu 73:** Router sử dụng lệnh nào để kiểm tra đường đi tới một máy chủ?

**a. traceroute address**

b. tracert address

c. ssh address

d. telnet address

**Câu 74:** Cho hình dưới

```
PC>tracert 10.16.176.23
Tracing route to 10.16.176.23 over a maximum of 30 hops:

  1  31 ms   31 ms   32 ms   172.16.182.1
  2  62 ms   62 ms   62 ms   192.168.1.6
  3  93 ms   93 ms   34 ms   192.168.1.10
  4 125 ms  110 ms  125 ms  10.16.176.23

Trace complete
```

Máy tính A đang kiểm tra kết nối tới một địa chỉ khác, hãy cho biết Default Gateway của A?

**a. 172.16.182.1**

b. 192.168.1.1

c. 10.16.176.1

d. 172.16.1.1

**Câu 75:** Router A hiện không có file hệ điều hành. Hỏi: Trình tự tải hệ điều hành của Router A là gì?

a. Flash, NVRAM, ROM

**b. Flash, TFTP server, ROM**

c. ROM, NVRAM, TFTP server

d. TFTP server, Flash, NVRAM

**Câu 76:** Cho biết trình tự khởi động bình thường của Router

**a. ROM => Flash => NVRAM**

b. NVRAM => ROM => Flash

c. NVRAM => Flash => ROM

d. ROM => NVRAM => Flash

**Câu 77:** Phát biểu nào sau đây về bộ nhớ Flash là sai

- a. Bộ nhớ Flash có thể xóa được, lập trình lại được
- b. Bộ nhớ Flash lưu trữ file cấu hình của Router**
- c. Bộ nhớ Flash không bị mất thông tin khi mất điện hoặc tắt máy
- d. Bộ nhớ Flash lưu trữ hệ điều hành của Router

**Câu 78:** Phát biểu nào sau đây về bộ nhớ RAM là sai?

- a. Bộ nhớ RAM lưu trữ file startup-config**
- b. Bộ nhớ RAM lưu trữ file running-config
- c. Bộ nhớ RAM bị mất dữ liệu khi tắt máy hoặc khởi động lại
- d. Bộ nhớ RAM lưu trữ bảng định tuyến

**Câu 79:** Phát biểu nào sau đây về bộ nhớ NVRAM là sai?

- a. Bộ nhớ NVRAM không bị mất dữ liệu khi tắt máy hoặc khởi động lại
- b. Bộ nhớ NVRAM là viết tắt của Nonvolatile RAM
- c. Bộ nhớ NVRAM lưu trữ file startup-config
- d. Bộ nhớ NVRAM lưu trữ file running-config**

**Câu 80:** Phát biểu nào về Setup Mode là sai?

- a. Setup mode cho phép người quản trị thực hiện cấu hình cho Router
- b. Setup mode được sử dụng khi Router chưa có thông tin cấu hình
- c. Setup mode là chế độ cấu hình cao nhất của Router**
- d. Setup mode cho phép người quản trị cấu hình mà không cần dùng lệnh

**Câu 81:** Khi gõ 1 lệnh mà router xuất hiện dòng "*Translating .... domain server 255.255.255.255*". Quá trình này có thể mất thời gian, bạn nên làm gì để hủy quá trình này

- a. Bấm tổ hợp phím Ctrl + C
- b. Bấm tổ hợp phím Ctrl + Shift + Z
- c. Bấm tổ hợp phím Ctrl + Shift + 6**
- d. Bấm tổ hợp phím Ctrl + Z

**Câu 82:** Thiết bị mạng nào làm giảm bớt sự va chạm (collisions)?

- a. Switch**
- b. Hub
- c. Các phương án khác đều đúng
- d. NIC

**Câu 83:** Phần nào trong địa chỉ IP được ROUTER sử dụng khi tìm đường đi?

- a. Router address (địa chỉ của ROUTER)
- b. Network address (địa chỉ mạng)**
- c. FDDI
- d. Host address

**Câu 84:** Thiết bị mạng nào sau đây là không thể thiếu được trong mạng Internet (là thành phần cơ bản tạo lên mạng Internet)

- a. Router**
- b. Hub

c. Switch

d. Bridge

**Câu 85:** Hub, Repeater hoạt động tại tầng?

a. Mạng (Network)

b. Liên kết dữ liệu (Data-link).

**c. Vật lý (Physical).**

d. Giao vận (Transport).

**Câu 86:** Repeater dùng để làm gì?

a. Mã hóa dữ liệu

**b. Khuếch đại tín hiệu.**

c. Chống nhiễu mạng.

d. Lọc dữ liệu.

**Câu 87:** Thiết bị nào cho phép 2 máy tính ở 2 mạng khác nhau giao tiếp được với nhau

a. Switch

**b. Router**

c. Bridge

d. Hub

**Câu 88:** Kiểu mạng nào sẽ hoạt động nếu không có máy tính nào đóng vai trò server trong mạng?

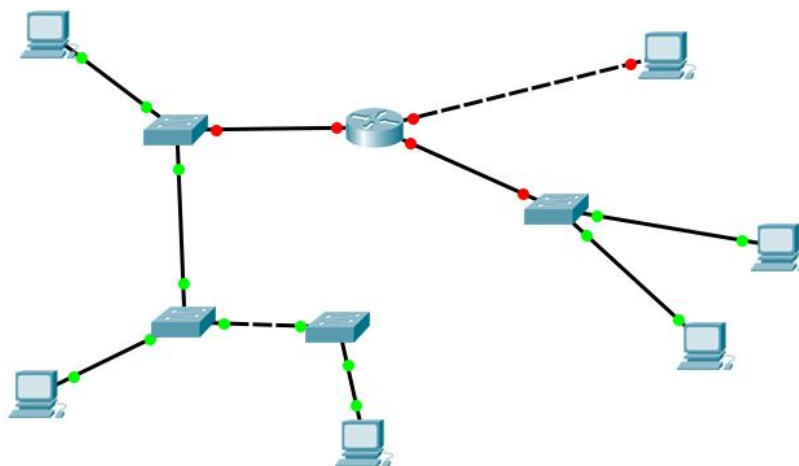
a. Mainframe

b. Client – Server

**c. Peer to peer**

d. Centralized

**Câu 89:** Cho mô hình sau. Giả định rằng tất cả các thiết bị đang có cấu hình mặc định. Hỏi phải dùng bao nhiêu địa chỉ mạng cho hệ thống mạng này



a. 1

**b. 3**

c. 2

d. 5

**Câu 90:** Một Hub tốc độ 100Mbps có 12 cổng thì tốc độ của mỗi cổng sẽ là

- a. Tối đa 100Mbps khi chỉ có một máy tính cắm vào Hub
- b. Tối đa 100Mbps khi có 10 máy tính cắm vào Hub
- c. Tối thiểu 8.3Mbps khi có 12 máy tính cắm vào Hub
- d. Tối thiểu 100Mbps khi chỉ có một máy tính cắm vào Hub

**Câu 91:** Để kết nối từ máy tính đến router, ta có thể dùng:

- a. Cáp chéo (Cross - Cable)
- b. Rollover Cable
- c. Cáp thẳng ( Straight Cable)
- d. Không có loại nào

**Câu 92:** Để kết nối từ switch đến router, ta có thể dùng:

- a. Cáp chéo (Cross - Cable)
- b. Rollover Cable
- c. Cáp thẳng ( Straight Cable)
- d. Không có loại nào

**Câu 93:** Để kết nối từ switch đến máy tính, ta có thể dùng:

- a. Cáp chéo (Cross - Cable)
- b. Rollover Cable
- c. Cáp thẳng ( Straight Cable)
- d. Không có loại nào

**Câu 94:** Để kết nối từ router đến router, ta có thể dùng:

- a. Cáp console
- b. Rollover Cable
- c. Cáp thẳng ( Straight Cable)
- d. Cáp serial

**Câu 95:** Để kết nối từ router đến router, ta có thể dùng:

- a. Cáp console
- b. Rollover Cable
- c. Cáp thẳng ( Straight Cable)
- d. Cáp chéo (Crossover cable)

**Câu 96:** Nếu 4 PCs kết nối với nhau thông qua SWITCH thì cần bao nhiêu địa chỉ IP cho 5 thiết bị mạng này?

- a. 1
- b. 2
- c. 4
- d. 5

**Câu 97:** Nếu 4 PCs và 1 router kết nối với nhau thông qua SWITCH thì cần bao nhiêu địa chỉ IP cho 6 trang thiết bị mạng này?

- a. 1
- b. 2
- c. 4
- d. 5**

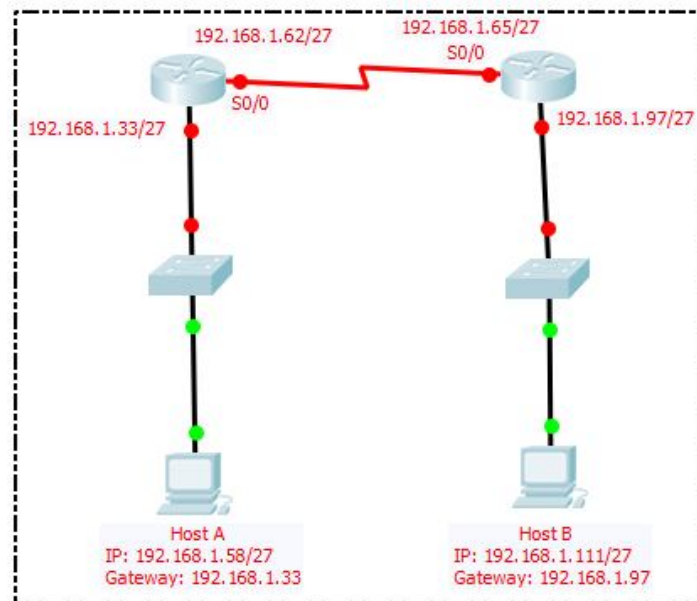
**Câu 98:** Một mạng 132.107.4.0/24 được broadcast bởi một router neighbor từ với giao thức RIP và IGRP. Bạn cũng có thêm một tuyến đường tĩnh cho 132.107.4.0/24. Tuyến đường sẽ được sử dụng để chuyển tiếp lưu lượng truy cập?

- a. The IGRP route
- b. The RIP route
- c. The static route**
- d. Tất cả các tùy chọn

**Câu 99:** Các router của ABC đang chạy cả giao thức RIP và IGRP, và cùng một tuyến đường được học bằng cách định tuyến này từ cả hai phương pháp lên router. Tuy nhiên, khi bạn chạy câu lệnh "show ip route" bạn chỉ thấy các tuyến đường IGRP, và không phải là tuyến RIP. Tại sao có điều này

- a. IGRP có thời gian cập nhật nhanh hơn
- b. IGRP có AD(administrative distance) thấp hơn**
- c. RIP có giá trị đo lường cao hơn các định tuyến khác
- d. Đường dẫn RIP có một vòng lặp định tuyến

**Câu 100:** Ở sơ đồ mạng bên dưới, HostA không thể ping HostB. Giả sử định tuyến đã được cấu hình, lý do nào dưới đây giải quyết cho vấn đề này



- a. Interfaces Fa0/0 trên RouterB đang sử dụng một địa chỉ quảng bá.
- b. Địa chỉ của Switch A là một địa chỉ mạng con.
- c. Interfaces Serial của các router không cùng địa chỉ mạng.**

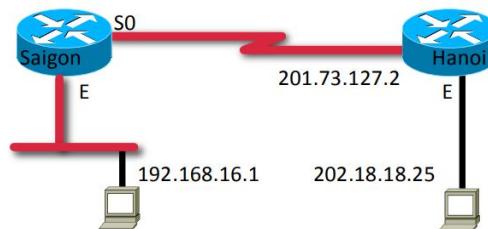
d. Interface Fa0/0 trên RouterA là một Subnet mà không được sử dụng.

**Câu 101:** Câu lệnh nào cấu hình định tuyến mặc định cho router?

- a. Router(config)#ip route 0.0.0.0 10.1.1.0 10.1.1.1
- b. Router(config)#ip default-route 10.1.1.0
- c. Router(config)#ip default-gateway 10.1.1.0

**d. Router(config)#ip route 0.0.0.0 0.0.0.0 10.1.1.1**

**Câu 102:** Người sử dụng trên các bộ định tuyến Sài Gòn không thể có được quyền truy cập vào các máy chủ mạng nội bộ trên(Intranet Server) giao diện e0 của router Hà Nội. Sau khi kiểm tra, bạn phát hiện ra rằng các bảng định tuyến của router Sài Gòn có mất một mục nhập cho mạng e0 Hà Nội. Dòng lệnh nào dưới đây sẽ cấu hình đúng router Saigon để cho phép người sử dụng truy cập vào mạng máy chủ mạng nội bộ



- a. Saigon(config)#ip host Hanoi 201.73.127.2
- b. Saigon(config)# ip network 202.18.18.0 255.255.255.0
- c. Saigon(config)#ip host Hanoi 201.73.127.2 255.255.255.0
- d. Saigon(config)#ip route 202.18.18.0 255.255.255.0 201.73.127.2**

**Câu 103:** Bảng thông tin tuyến đường EIGRP được tổ chức trong bộ nhớ RAM và duy trì thông qua việc sử dụng các chào hỏi (hello) và cập nhật (update) các gói tin gì?

- a. Neighbor table**
- b. SPF table
- c. RTP table
- d. Query table

**Câu 104:** Bảng thông tin tuyến đường EIGRP được tổ chức trong bộ nhớ RAM và duy trì thông qua việc sử dụng các chào hỏi (hello) và cập nhật (update) các gói tin gì?

- a. SPF table
- b. RTP table
- c. Query table
- d. Topology table**

**Câu 105:** Câu lệnh nào cho phép xem bảng định tuyến

- a. show route
- b. show ip route**
- c. show ip table route
- d. show ipx router

**Câu 106:** Lệnh nào cho phép hiển thị các lệnh khả dụng ở chế độ đó?

- a. help all



- b. help
- c. Tất cả các lệnh đưa ra
- d. ?

**Câu 107:** Tổ hợp phím nào cho phép thoát khỏi setup mode?

- a. Ctrl K
- b. Ctrl C
- c. Ctrl Enter
- d. Ctrl End

**Câu 108:** Câu lệnh nào cho phép cấu hình cổng truy cập từ xa?

- a. Router(config)#line vty 0 4
- b. Router#line vty 0 4
- c. Router#line vty
- d. Router(config)#line vty

**Câu 109:** Câu lệnh nào cho phép khởi động lại router?

- a. Router(config)#reload
- b. Router#reload
- c. Router#reset
- d. Router>reload

**Câu 110:** Câu lệnh nào cho phép cấu hình "khoacntt" là mật khẩu mã hóa

- a. Router(config)#enable secret password khoacntt
- b. Router(config)#secret password khoacntt
- c. Router(config)#enable secret khoacntt
- d. Router(config)#enable password khoacntt

**Câu 111:** Câu lệnh nào cho phép khai báo định tuyến tĩnh đến mạng 172.16.10.0/24 trên router?

- a. Router#ip route 172.16.10.0 255.255.255.0 10.1.0.2
- b. Router(config)#ip static route 172.16.10.0 255.255.255.0 10.1.0.2
- c. Router(config)#ip route 172.16.10.0 10.1.0.2
- d. Router(config)#ip route 172.16.10.0 255.255.255.0 10.1.0.2

**Câu 112:** Câu lệnh nào cho phép lưu thông tin cấu hình router

- a. copy running-config startup-config
- b. copy startup-config running-config
- c. copy active backup
- d. copy start run

**Câu 113:** Câu lệnh nào cho phép gán địa chỉ IP 172.16.100.5 với subnet mask /24

- a. Router(config-if)#ip address 172.16.100.5 255.255.255.0
- b. Router(config-if)#ip address 172.16.100.5 /24
- c. Router(config)#ip address 172.16.100.5 255.255.255.0
- d. Router(config)#ip address 172.16.100.5 /24

**Câu 114:** Câu lệnh nào cho phép xem thông tin về phần cứng của router

- a. show all
- b. show platform
- c. display hardware
- d. show version

**Câu 115:** Khi gõ "cl?", cái gì sẽ hiển thị ra?

- a. Cú pháp của lệnh "clear"
- b. Cú pháp của lệnh "clock"
- c. Tất cả các lệnh bắt đầu với "cl"
- d. Tất cả các lệnh bắt đầu với "c"

**Câu 116:** Lệnh nào cho phép copy nội dung từ NVRAM sang RAM?

- a. copy backup-config running-config
- b. configure nvram
- c. copy startup-config running-config
- d. copy nvram ram

**Câu 117:** Lệnh nào cho phép lưu nội dung từ RAM sang NVRAM

- a. write memory
- b. copy ram nvram
- c. write network
- d. write backup

**Câu 118:** Lệnh nào cho phép xem tên file IOS

- a. show IOS
- b. show version
- c. show mem
- d. show nvram

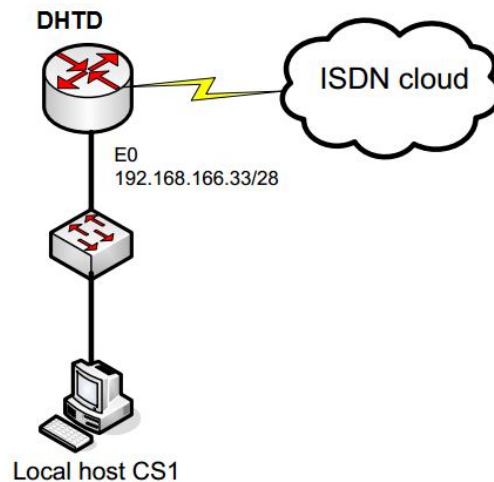
**Câu 119:** Lệnh nào cho phép cấu hình giá trị thanh ghi?

- a. Router(config)#config-register 0x2102
- b. Router#config-register 0x2102
- c. Router(config-reg)#0x2102
- d. Router>config-register 0x2102

**Câu 120:** Đây là tên của giao thức định tuyến

- a. RIPv2
- b. EIGRP
- c. OSPF
- d. Tất cả đều đúng

**Câu 121:** Bạn là quản trị mạng tại trường ĐH Thành Đô. Bạn cần xử lý khắc phục lỗi hệ thống mạng của trường được mô tả như hình dưới đây.



Máy tính CS1 không thể truy cập ra Internet được. Cấu hình của CS1 như sau:

*IP address: 192.168.166.42*

*Subnetmask: 255.255.255.240*

*Default gateway: 192.168.166.32*

Hỏi đâu là nguyên nhân của vấn đề trên

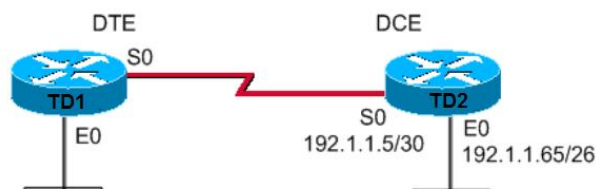
a. Default gateway trùng với Broadcast ID

b. Default gateway của máy tính không trùng với địa chỉ cổng E0 của router

c. Địa chỉ IP của máy tính thuộc về một mạng khác với cổng E0 của router

d. Subnet mask của máy tính không tương thích với địa chỉ IP

**Câu 122:** Bạn là quản trị mạng tại trường ĐH Thành Đô. Hệ thống mạng của trường sử dụng địa chỉ mạng 192.1.1.0 /24 và giao thức RIP. Một phần của hệ thống được mô phỏng như hình dưới.



Bạn muốn cấu hình router TD1 để kết nối 2 mạng LAN của 2 router. Bạn cần thực hiện những lệnh gì? (Chọn 3)

a. `TD1(config)#interface ethernet0`

`TD1(config-if)#ip address 192.1.1.129 255.255.255.192`

`TD1(config-if)#no shutdown`

b. `TD1(config)#interface ethernet0`

`TD1(config-if)#ip address 192.1.1.97 255.255.255.192`

`TD1(config-if)#no shutdown`

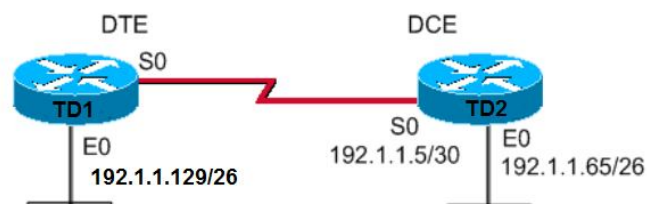
c. `TD1(config)#interface serial0`

`TD1(config-if)#ip address 192.1.1.4 255.255.255.252`

`TD1(config-if)#clock rate 64000`

- d. `TD1(config)#interface serial0`  
`TD1(config-if)#ip address 192.1.1.6 255.255.255.252`  
`TD1(config-if)#no shutdown`
- e. `TD1(config)#router rip`  
`TD1(config-router)#network 192.1.1.4`  
`TD1(config-router)#network 192.1.1.128`
- f. `TD1(config)#router rip version 2`  
`TD1(config-router)#network 192.1.1.0`

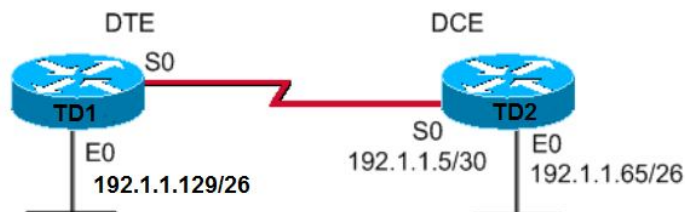
**Câu 123:** Bạn là quản trị mạng tại trường ĐH Thành Đô. Hệ thống mạng của trường sử dụng địa chỉ mạng 192.1.1.0 /24 và giao thức RIP. Một phần của hệ thống được mô phỏng như hình dưới.



Bạn muốn cấu hình router TD2 để kết nối 2 mạng LAN của 2 router. Bạn cần thực hiện lệnh gì?

- a. `TD2(config)#router rip`  
`TD2(config-router)#network 192.1.1.65`  
`TD2(config-router)#network 192.1.1.5`
- b. `TD2(config)#router rip`  
`TD2(config-router)#network 192.1.1.129`  
`TD2(config-router)#network 192.1.1.5`
- c. `TD2(config)#router rip`  
`TD2(config-router)#network 192.1.1.4`  
`TD2(config-router)#network 192.1.1.128`
- d. `TD2(config)#router rip`  
`TD2(config-router)#network 192.1.1.4`  
`TD2(config-router)#network 192.1.1.64`

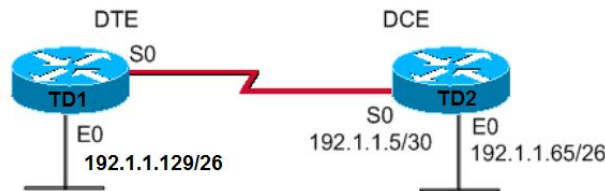
**Câu 124:** Bạn là quản trị mạng tại trường ĐH Thành Đô. Hệ thống mạng của trường sử dụng địa chỉ mạng 192.1.1.0 /24 và định tuyến tĩnh. Một phần của hệ thống được mô phỏng như hình dưới.



Bạn muốn cấu hình router TD1 để kết nối 2 mạng LAN của 2 router. Bạn cần thực hiện lệnh gì?

- a. TD1(config)#ip route 192.1.1.129 255.255.255.192 serial0
- b. TD1(config)#ip route 192.1.1.65 255.255.255.192 serial0
- c. TD1(config)#ip route 192.1.1.64 255.255.255.192 serial0
- d. TD1(config)#ip route 192.1.1.0 255.255.255.192 serial0

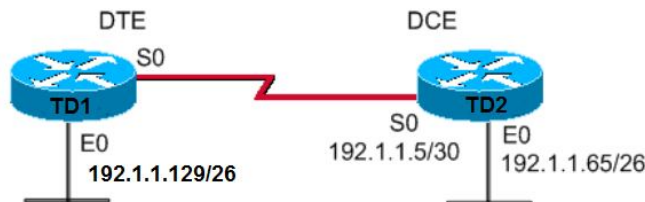
**Câu 125:** Bạn là quản trị mạng tại trường ĐH Thành Đô. Hệ thống mạng của trường sử dụng địa chỉ mạng 192.1.1.0 /24 và định tuyến tĩnh. Một phần của hệ thống được mô phỏng như hình dưới.



Bạn muốn cấu hình router TD2 để kết nối 2 mạng LAN của 2 router. Bạn cần thực hiện lệnh gì?

- a. TD2(config)#ip route 192.1.1.129 255.255.255.192 serial0
- b. TD2(config)#ip route 192.1.1.65 255.255.255.192 serial0
- c. TD2(config)#ip route 192.1.1.128 255.255.255.192 serial0
- d. TD2(config)#ip route 192.1.1.0 255.255.255.192 serial0

**Câu 126:** Bạn là quản trị mạng tại trường ĐH Thành Đô. Hệ thống mạng của trường sử dụng địa chỉ mạng 192.1.1.0 /24 và giao thức EIGRP. Một phần của hệ thống được mô phỏng như hình dưới.



Bạn muốn cấu hình router TD1 để kết nối 2 mạng LAN của 2 router. Bạn cần thực hiện lệnh gì?

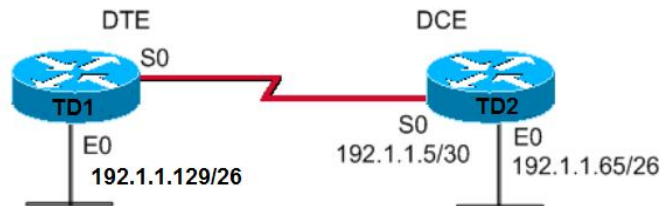
- a. TD1(config)#router eigrp 100  
 TD1(config-router)#network 192.1.1.65 255.255.255.192  
 TD1(config-router)#network 192.1.1.5 255.255.255.252
- b. TD1(config)#router eigrp 100  
 TD1(config-router)#network 192.1.1.129 255.255.255.192  
 TD1(config-router)#network 192.1.1.5 255.255.255.252
- c. TD1(config)#router eigrp 100  
 TD1(config-router)#network 192.1.1.4 255.255.255.252  
 TD1(config-router)#network 192.1.1.128 255.255.255.192

d. TD1(config)#router eigrp 100

TD1(config-router)#network 192.1.1.4 255.255.255.252

TD1(config-router)#network 192.1.1.64 255.255.255.192

**Câu 127:** Bạn là quản trị mạng tại trường ĐH Thành Đô. Hệ thống mạng của trường sử dụng địa chỉ mạng 192.1.1.0 /24 và giao thức EIGRP. Một phần của hệ thống được mô phỏng như hình dưới.



Bạn muốn cấu hình router TD2 để kết nối 2 mạng LAN của 2 router. Bạn cần thực hiện lệnh gì?

a. TD2(config)#router eigrp 100

TD2(config-router)#network 192.1.1.65 255.255.255.192

TD2(config-router)#network 192.1.1.5 255.255.255.252

b. TD2(config)#router eigrp 100

TD2(config-router)#network 192.1.1.129 255.255.255.192

TD2(config-router)#network 192.1.1.5 255.255.255.252

c. TD2(config)#router eigrp 100

TD2(config-router)#network 192.1.1.4 255.255.255.252

TD2(config-router)#network 192.1.1.128 255.255.255.192

d. TD2(config)#router eigrp 100

TD2(config-router)#network 192.1.1.4 255.255.255.252

TD2(config-router)#network 192.1.1.64 255.255.255.192

**Câu 128:** Bạn là quản trị mạng tại trường ĐH Thành Đô. Hệ thống mạng của trường sử dụng địa chỉ mạng 192.1.1.0 /24. Bạn muốn cấu hình giao thức OSPF area 0 trên router. Bạn sẽ sử dụng những lệnh nào trong số các lệnh sau? CHỌN 2

a. Router(config-router)#network 192.1.1.0 0.0.0.255 0

b. Router(config-router)#network 192.1.1.0 0.0.0.255 area 0

c. Router(config-router)#network 192.1.1.0 255.255.255.0 area 0

d. Router(config)#router ospf 0

e. Router(config)#router ospf 1

f. Router(config)#router ospf area 0

**Câu 129:** Câu nào sau đây mô tả về định tuyến động

a. Yêu cầu các tuyến đường được cấu hình bằng tay

b. Tự động điều chỉnh khi mạng thay đổi

c. Được sử dụng khi chỉ có một đường dẫn đến đích

d. Người quản trị tốn nhiều thời gian hơn khi sử dụng phương pháp định tuyến động

**Câu 130:** Giao thức nào KHÔNG hoạt động theo kỹ thuật định tuyến Distance Vector?

- a. RIP
- b. IGRP
- c. OSPF**
- d. RIPv2

**Câu 131:** Giao thức định tuyến nào hoạt động theo kỹ thuật định tuyến Link state?

- a. RIP
- b. IGRP
- c. OSPF**
- d. RIPv2

**Câu 132:** Giao thức định tuyến nào lấy hop – count làm tiêu chí tính trọng số tuyến đường

- a. RIP**
- b. IGRP
- c. EIGRP
- d. OSPF

**Câu 133:** Gói tin hello được gửi theo định kì mặc định bao nhiêu giây trên một lần ?

- a. 8s/lần
- b. 9s/lần
- c. 10s/lần**
- d. 11s/lần

**Câu 134:** Câu lệnh nào dưới đây để xóa và khởi động lại OSPF

- a. clear ip ospf process**
- b. clear ip ospf
- c. clear ospf
- d. delete ospf

**Câu 135:** Khi thiết lập lại giá trị Router – ID cho Router có cần phải khởi động lại Router hay cấu hình lại OSPF hay không ?

- a. Có
- b. Không**
- c. Tùy trường hợp

**Câu 136:** Hello timer là gì ?

- a. Khoảng thời gian gửi gói tin hello ra khỏi một cổng chạy OSPF
- b. Khoảng thời gian định kỳ gửi gói tin hello ra khỏi một cổng chạy OSPF**
- c. Khoảng thời gian để gửi gói tin hello
- d. Tất cả đều sai

**Câu 137:** Trong OSPF khi dùng giải thuật SPF để tính toán đường đi thì đường truyền tốc độ và chi phí OSPF sẽ như thế nào ?

- a. Tốc độ càng thấp, chi phí OSPF tương ứng thấp
- b. Tốc độ càng cao, chi phí OSPF tương ứng cao

c. Tốc độ càng cao, chi phí OSPF tương ứng thấp

d. Tốc độ càng thấp, chi phí OSPF tương ứng cao

**Câu 138:** Giao thức nào dưới đây hoạt động theo cả Distance vector và Link state?

a. EIGRP

b. IGRP

c. RIP

d. OSPF

**Câu 139:** Hello timer định kỳ mặc định của EIGRP là bao nhiêu giây?

a. 5s

b. 8s

c. 10s

d. 16s

**Câu 140:** Số AD được sử dụng để làm gì?

a. Để xác định trọng số của tuyến đường

b. Để biết router có bao nhiêu cổng Serial

c. Để đánh giá mức độ tin cậy của giao thức định tuyến

d. Để đánh giá độ trễ của đường truyền

**Câu 141:** Metric của tuyến đường được đánh giá dựa trên tiêu chí nào

a. Dựa trên hop-count của tuyến đường. Càng ít càng tốt

b. Dựa trên độ trễ của tuyến đường

c. Dựa trên băng thông của tuyến đường

d. Tùy thuộc vào giao thức định tuyến

**Câu 142:** Khi một hệ thống mạng được cấu hình định tuyến bằng cả 2 phương thức: Dừng định tuyến tĩnh và giao thức RIP. Router sẽ lựa chọn tuyến đường theo phương thức nào?

a. Định tuyến tĩnh

b. Giao thức RIP

c. Không chọn tuyến đường nào

d. Chọn cả 2. Sử dụng luân phiên

**Câu 143:** Khi một hệ thống mạng được cấu hình định tuyến bằng cả 2 phương thức: Dừng định tuyến tĩnh và giao thức EIGRP. Router sẽ lựa chọn tuyến đường theo phương thức nào?

a. Định tuyến tĩnh

b. Giao thức EIGRP

c. Không chọn tuyến đường nào

d. Chọn cả 2. Sử dụng luân phiên

**Câu 144:** Khi một hệ thống mạng được cấu hình định tuyến bằng cả 2 phương thức: Dừng EIGRP và giao thức RIP. Router sẽ lựa chọn tuyến đường theo phương thức nào?

a. Giao thức EIGRP

b. Giao thức RIP

c. Không chọn tuyến đường nào



d. Chọn cả 2. Sử dụng luân phiên

**Câu 145:** Câu lệnh nào nằm trong số các câu lệnh phải dùng khi thiết lập telnet

a. Router(config)#enable password thanhdo

b. Router(config)#config-register 0x2102

c. Router(config)#line console 0

d. Router(config)#confreg 0x2102

**Câu 146:** Câu lệnh nào nằm trong số các câu lệnh phải dùng khi thiết lập telnet

a. Router(config)#line vty 0 4

b. Router(config)#config-register 0x2102

c. Router(config)#line console 0

d. Router(config)#logging synchronous

**Câu 147:** Câu lệnh nào nằm trong số các câu lệnh phải dùng khi thiết lập telnet

a. Router(config)#transport input telnet

b. Router(config)#input transport vty

c. Router(config)#line console 0

d. Router(config)#logging synchronous

**Câu 148:** Định tuyến tĩnh là loại định tuyến

a. Dùng cho mạng lớn cấu trúc phức tạp

b. Nhà quản trị chỉ việc cấu hình giao thức định tuyến cho Router

c. Nhà quản trị phải cấu hình từng dòng lệnh cho các mạng đích cần thiết

d. Router có thể thay đổi tuyến đường trong trường hợp cấu trúc mạng thay đổi

**Câu 149:** Số AD của giao thức RIP là bao nhiêu?

a. 1

b. 90

c. 110

d. 120

**Câu 150:** Số AD của định tuyến tĩnh là bao nhiêu?

a. 1

b. 90

c. 110

d. 120

**Câu 151:** Số AD của giao thức OSPF là bao nhiêu?

a. 1

b. 90

c. 110

d. 120

**Câu 152:** Số AD của giao thức EIGRP là bao nhiêu?

a. 1

b. 90

c. 110

d. 120

**Câu 153:** Phát biểu nào đúng khi nói về kỹ thuật Distance Vector?

a. Sử dụng hop count để tính metric

b. Chỉ gửi update khi có sự thay đổi về mô hình mạng

**c. Gửi bảng định tuyến đến router neighbors**

d. Tất cả đều đúng

**Câu 154:** Lợi thế lớn của Frame Relay qua ISDN là gì?

**a. Chi phí rẻ hơn.**

b. Dễ cấu hình.

c. Ít phí trên router.

d. Kiểm soát hoàn toàn mọi thiết bị trong đường dẫn.

**Câu 155:** Thiết bị nào thường tạo nên một đám mây Frame Relay?

**a. Frame Relay switch (DCEs)**

b. Frame Relay switch (DTEs)

c. Frame Relay router (DCEs)

d. Frame Relay router (DTEs)

**Câu 156:** Điền từ còn thiếu vào dấu ba chấm: "*.....là một mạch ảo mạng diện rộng đã được thiết kế để đáp ứng nhu cầu cho một loại mới của WAN cuối những năm 1980 và đầu những năm 1990.*"

a. X.25

**b. Frame Relay**

c. ATM

d. Không có phương án nào đúng

**Câu 157:** Điền từ còn thiếu vào ô trống: "*Frame Relay cung cấp .....*"

a. PVC

b. SVCs

**c. Cả PVC và SVCs**

d. Tất cả đều sai

**Câu 158:** Điền từ còn thiếu vào ô trống: "*Frame Relay có .....*"

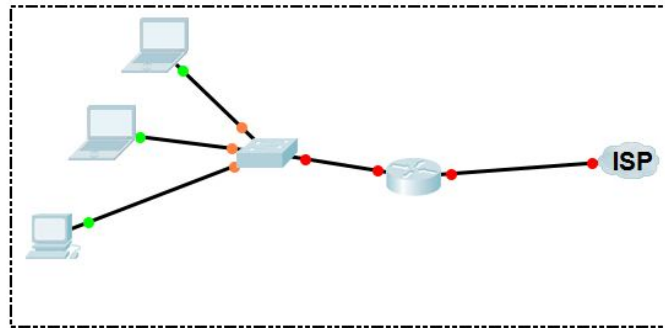
a. Chỉ có lớp vật lý

b. Chỉ có các liên kết dữ liệu

**c. Các lớp vật lý và liên kết dữ liệu**

d. Lớp vật lý, và các lớp mạng

**Câu 159:** Cho mô hình mạng dưới đây. Dịch vụ nào được sử dụng để cho phép Internet kết nối được đến các máy tính trong mạng



a. Address translation

b. DHCP services

c. FTPD

d. Web services

**Câu 160:** Virtual LAN (VLAN) là một nhóm các thiết bị kết nối mạng trong các cùng .....

a Hệ thống tự trị.

b. Miền quảng bá

c. Miền băng thông

d. Miền xung đột

**Câu 161:** Công ty ABC đã thuê bạn như một nhà tư vấn để thêm một VLAN mới đặt tên là SALES trong Switch. Các cấu hình sau đây là đúng sự thật liên quan đến các VLAN này?

a. Các VLAN phải được tạo ra

b. Một địa chỉ IP phải được cấu hình cho các SALES VLAN

c. Các VLAN phải được thêm vào miền STP

**Câu 162:** Công ty ABC đã thuê bạn như một nhà tư vấn để thêm một VLAN mới đặt tên là SALES trong Switch. Các cấu hình sau đây là đúng sự thật liên quan đến các VLAN này?

a. Các VLAN phải được đặt tên

b. Một địa chỉ IP phải được cấu hình cho các SALES VLAN

c. Các VLAN phải được thêm vào miền STP

**Câu 163:** Công ty ABC đã thuê bạn như một nhà tư vấn để thêm một VLAN mới đặt tên là SALES trong Switch. Các cấu hình sau đây là đúng sự thật liên quan đến các VLAN này?

a. Một địa chỉ IP phải được cấu hình cho các SALES VLAN

b. Các cổng mong muốn phải được bổ sung vào các VLAN mới

c. Các VLAN phải được thêm vào miền STP

**Câu 164:** Khi một packet đi từ host này đến host kia, một gói tin (packet) có thể gặp các vấn đề:

a. Delay

b. Jitter

c. Loss

d. Tất cả các tùy chọn đều đúng

**Câu 165:** Chuyển mạch (Switching) là gì:

a. Thiết lập đường đi tối ưu cho gói tin

- b. Chạy các giao thức định tuyến để xác định đường đi tối ưu nhất đến một đích đến nào đó
- c. Di chuyển một gói tin từ interface này qua interface kia của thiết bị.
- d. Tất cả đều sai

**Câu 166:** VLAN là viết tắt của từ gì?

- a. Virtual LAN
- b. Visual LAN
- c. Vision LAN

**Câu 167:** Đâu không phải là 1 loại VLAN?

- a. Port Based VLAN
- b. MAC Address Based VLAN
- c. Protocol Based VLAN
- d. IP Based VLAN

**Câu 168:** Câu lệnh nào dùng để truy cập vào chế độ cấu hình VLAN?

- a. Switch(config)#vlan *vlan\_number*
- b. Switch(config)#virtual lan
- c. Switch#vlan *vlan\_number*
- d. Switch#virtual lan

**Câu 169:** Câu lệnh nào dùng để đặt tên cho VLAN?

- a. Switch(config)#vlan *vlan\_name*
- b. Switch(config-vlan)#vlan *vlan\_name*
- c. Switch(config-vlan)#name *vlan\_name*
- d. Switch(config-vlan)#vlan name *vlan\_name*

**Câu 170:** Câu lệnh nào dùng để gắn cổng Fast Ethernet 1/0 vào VLAN 10

- a. Switch(config-vlan)#switchport Fast Ethernet 1/0 access vlan 10
- b. Switch(config-vlan)#switchport access vlan 10 Fast Ethernet 1/0
- c. Switch(config-if)#switchport access vlan 10

**Câu 171:** Câu lệnh nào dùng để gắn cổng Gigabit Ethernet 0/0 vào VLAN 10

- a. Switch(config-vlan)#switchport Gigabit Ethernet 0/0 access vlan 10
- b. Switch(config-vlan)#switchport access vlan 10 Gigabit Ethernet 0/0
- c. Switch(config-if)#switchport access vlan 10

**Câu 172:** Câu lệnh nào được dùng trong quá trình gắn các cổng Gigabit Ethernet 0/0 tới Gigabit Ethernet 0/4 vào VLAN 10

- a. Switch(config-vlan)#switchport Gigabit Ethernet 0/0 to 0/4 access vlan 10
- b. Switch(config-vlan)#switchport access vlan 10 Gigabit Ethernet 0/0 to 0/4
- c. Switch(config)#switchport access vlan 10
- d. Switch(config-vlan)#switchport access vlan 10 range Gigabit Ethernet 0/0 - 4

**Câu 173:** Câu lệnh nào được dùng trong quá trình gắn các cổng Gigabit Ethernet 0/0 tới Gigabit Ethernet 0/4 vào VLAN 10

- a. Switch(config-vlan)#switchport Gigabit Ethernet 0/0 to 0/4 access vlan 10

b. Switch(config-vlan)#switchport access vlan 10 Gigabit Ethernet 0/0 to 0/4

c. Switch(config)#interface range Gigabit Ethernet 0/0 - 4

d. Switch(config-vlan)#switchport access vlan 10 range Gigabit Ethernet 0/0 - 4

**Câu 174:** Để xóa VLAN, dùng lệnh nào?

a. Switch(config)#no vlan *vlan\_number*

b. Switch(config)#clear vlan *vlan\_number*

c. Switch(config-vlan)# no vlan *vlan\_number*

d. Switch(config-vlan)#clear vlan *vlan\_number*

**Câu 175:** Câu lệnh nào để xem thông tin VLAN có ID = 2? Chọn đáp án chính xác nhất

a. Switch#show vlan 2

b. Switch(config)#show vlan brief

c. Switch#show vlan id 2

d. Switch#show vlan number 2

**Câu 176:** Câu lệnh nào để xem thông tin của tất cả các VLAN?

a. Switch#show vlan brief

b. Switch#show vlan info

c. Switch#show vlan name

d. Switch#show vlan default